

Chén Trà Lão Triệu Mà Chứng Hoa Ngân

Đỗ Hồng Ngọc



Thầy Tuệ Sỹ và tác giả

Thị giả của Thầy Tuệ Sỹ nhắn tin tôi: Thầy Tuệ Sỹ đang ở Sài Gòn. Mời Bác đến Hương Tích chơi. Tôi đến. Tuệ Sỹ gầy ốm, xanh xao lắm. Nhưng vui vẻ, hoạt bát, thông tuệ như bao giờ! Thầy viết tặng tôi tập Thơ song ngữ: Dreaming the Mountain do Nguyễn Bá Chung và Martha Collins dịch (2023), cùng với cuốn Phạm Công Thiện của Nohira Munehiro (Võ Thị Vân Anh dịch) và Phật Học Luận Tập, số mới nhất. Phần tôi, gởi tặng Thầy bản thảo “*Một ngày kia... đến bờ*” vừa mới viết

xong. Trong đó tôi viết: *Phật cũng già, cũng bệnh và... cũng chết; viết về Phật là Như Lai nhưng... Như Lai không phải Phật; về Thiền và những hormones hạnh phúc; về “Chất lượng cuộc chết” v...v...*

Thầy đưa tôi coi mấy phiếu xét nghiệm và cười, nói “Chỉ còn một nửa”. Đúng. Chỉ còn một nửa. Hematocrite chỉ còn 17%, Hemoglobine còn 7g/dL... Mấy ngày sau tôi nghe sức khoẻ thầy đang rất yếu. Đã phải vào bệnh viện và được truyền 3 đơn vị hồng cầu lắng.

Trong bản thảo “*Một ngày kia... đến bờ*”, tôi có nhắc “Je pense donc je suis” của Descartes: Tôi tư duy, vậy có tôi. Vậy không tư duy là không... có tôi! Ta cũng có thể nói như một thầy thuốc: “Tôi thờ, vậy có tôi”. Nghĩa là tôi không thờ thì không có tôi. Nhưng cái thời tôi còn ở trong bụng mẹ, tôi cũng không thờ mà vẫn có tôi đó thôi. Vậy phải chăng cái thời tôi... hết thờ, tôi ngừng thờ, thì tôi không còn nữa? Còn chứ! Tôi lúc đó lại trở về bào thai Mẹ, bào thai Như Lai (Tathata-garbha) đó chứ!

Tuệ Sỹ viết trong Tổng quan về Nghiệp (2021), Thời kinh nói: “*Thời gian đến, chúng sinh chín muồi; thời gian đi, chúng sinh bị hồi thúc. Thời gian thức tỉnh chúng sinh...*” Đây là tri giác về thời gian theo chu kỳ sống chết của sinh loại. Tri giác về thời gian cũng là tri giác về sự chết. Thời gian được biết đến từ tri giác về sự sinh thành và hủy diệt của một đời người.

*Rồi khép lại hàng mi về cõi mộng
Như sương mai, như bóng chớp, mây chiều.*

Thì ra là lời của kinh Kim Cang đó:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ diệt như điện.
Ưng tác như thị quán!*

Thành ngữ kalam karoti, “*nó tạo tác thời gian*”, nghĩa là nó chết. Đây không phải là tri giác mà là ám ảnh về thời gian như một thứ định mệnh không thể tránh, **rồi ai cũng phải chết**. Cho nên, về mặt ngữ nguyên, kāla, nghĩa là thời gian mà cũng có nghĩa là màu đen tối, màu của đêm tối, của sự chết. Kāla cũng được hiểu là do gốc động từ kal (kalayati) thúc giục, hồi thúc, sự chết đang hồi thúc ta (Tuệ Sỹ).

*Lửa đã tắt từ buổi đầu sáng thế
Một kiếp người ray rứt bụi tro bay
(Ngồi giữa bãi tha ma)*

Trong bài “*Phương nào cõi tịnh*” Tuệ Sỹ viết từ cảm hứng khi đọc cuốn “*Cõi Phật Đâu Xa*” của tôi về Kinh Duy Ma Cật (2017), ông dẫn 4 câu thơ, trích từ Giác Mơ Trường Sơn:

*Ta hỏi kiến nơi nào Cõi Tịnh,
Ngoài hư không có dấu chim bay?
Từ tiếng gọi màu đen đất khổ,
Thấp tâm tư thay ánh mặt trời.
(Giác Mơ Trường Sơn)*

Phải, chỉ có Trí Tuệ (thấp tâm tư thay ánh mặt trời) mới có thể Từ Bi giúp ta vượt thoát màu đen đất khổ đó vậy!

Tuệ Sỹ cho rằng “vì trình độ ngôn ngữ và năng lực tư duy của chúng ta vốn hữu hạn, cho nên bằng con đường nghệ thuật mà đi vào ngõ đạo có thể tương đối dễ hơn” (Phương nào cõi tịnh), ông chủ trương thơ, nhạc, kịch, vũ... có thể là “ngõ đạo”. Ông thường nói về vở nhạc vũ kịch Duy Ma Cật ở đó có hình tượng một Thiên nữ rải hoa trời tán thưởng một lời không nói (của Duy Ma...) và cõi của một lời không nói đó chính là cõi thơ.

Giữa thế giới Ta-bà và cõi Phật Chúng Hương, tòa sư tử và thành Tì-la-da, cái vô cùng lớn đến trong cái vô cùng nhỏ, và cái nhỏ đi vào trong cái lớn: đây cũng là cặp phản diện bối cảnh làm lộ rõ thể tính tồn tại của thế gian, vũ trụ. Bằng hình ảnh đó mà tập luyện cho tư duy vượt ngoài khuôn sáo ước lệ, vượt qua thế giới thường nghiệm để vươn lên cảnh giới siêu nghiệm, bất khả tư nghị. Như thế, đọc Duy-ma-cật sử thuyết như đang xem một kịch bản, với những nhân vật và bối cảnh phản diện, với những biến cố mang đầy kịch tính, đó là cách tự huấn luyện và tự trang bị cho mình một công cụ định hướng tư duy để vươn lên chiều cao của giác ngộ.

Da mồi tóc trắng, chính là cảnh giới của Duy Ma. Cảnh giới đó là cõi đối biện thượng thừa; cõi im lặng vô ngôn bát ngát của cư sĩ Duy Ma Cật. Và cũng là cõi tịch mặc nhưng tráng lệ của thi ca.

*Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh*

Tâm Thiền thì không có ngôn ngữ gì khác biệt với ngôn ngữ thường tình. Nhưng còn ngại rằng khi đã cao tóc mà tình thơ vẫn còn. Thôi thì, thiền đạo và thi ca là đồng hay là khác, cũng chớ nên nghi ngờ mà tra hỏi. Có lẽ “*Những phím dương cầm*” là bài thơ rất tình của ông tay em run trên những phím lụa ngà, anh trĩu nặng núi rừng trong đáy mắt, nhưng ông đã dặn “chớ nên nghi ngờ mà tra hỏi” rồi đó!

*Tự hôm nào suốt tóc ngọt lời ca
Tay em run trên những phím lụa ngà
Lời em ca phong kín nhụy hoa hờn
Anh trĩu nặng núi rừng trong đáy mắt
Mờ phố thị những chiều hôn mái tóc
Sóng ai ngời so phím lụa đàn xưa
(Những phím dương cầm)*

Bởi theo ông, đạt tới cõi thượng thừa của Thơ, như người học Thiền chứng chỗ Không tịch của Đạo; cái đó vừa khó vừa dễ. Học Thiền ba mươi năm, ba mươi năm đầy đọa thân tâm, mà không thành. Phần chí, bỏ đi; bất chợt thấy một cánh hoa rơi, cõi Không tịch cũng hoá nhiên, đột ngột mở ra. Chỗ ảo diệu đó, khó giảng cho thông! Muốn cho lời thơ tuyệt diệu, thì phải là đừng gò ép, vừa Không và vừa Tĩnh. Tĩnh cho nên thâm tóm hết mọi vọng động. Không cho nên bao hàm vạn cảnh. Ngắm nhìn sự đời, bên ba giữa đời, mà thấy mình như nằm trên chóp đỉnh mây cao. Đủ hết các thứ mặn nồng, chua chát; trong đó có cái hương vị tuyệt vời. Thơ và Pháp (Đạo) không chống trái nhau, không hại nhau. (*Tô Đông Pha, những khung trời viễn mộng*, Tuệ Sỹ)

Đọc thơ Tuệ Sỹ, tôi thường ngắm ngời tại sao thơ ông thường nhắc đến ngày hội lớn, cung trời hội cũ?

*Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
(Khung trời cũ).*

*Người mắt biếc ngây thơ ngày hội lớn
Khóe môi cười nắng quái cũng gầy hao
(Một thoáng chiêm bao)*

Ngày hội lớn đó ở đâu? Cung trời hội cũ ở chỗ nào đó vậy? Sao nghe thấy quen quen!

A, có phải buổi hôm đó, dưới cội Bồ đề nơi Đức Phật thành đạo, Ngài nói đó là “quá an vui”, ở Hội thứ nhất của Avatamsaka, một thế giới hoa tạng mở ra bát ngát, Như Lai đã hiện tượng thành một vị Phật mặc biếc, ngây thơ, tủm tỉm cười... như hồi còn là chú bé 7,8 tuổi ngồi xem Lễ Hạ Điền mà nhập định không hay?

Còn cung trời hội cũ kia phải chăng là Hội thứ chín, nơi rừng Thệ Đa, khi người ta nhập pháp giới, đi vào cuộc Lữ, để thấy được pháp giới thể tính mà thông tay vào chợ?

Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở

Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan

Trên đỉnh Hy mã lạp sơn kia là những vỏ sò và dưới đáy biển sâu thăm nọ là những hạt muối lâu đài thành quách...

Cõi thơ, có đến và có đi, nhưng không hề có dấu vết. Một cánh chim Nhạn, một cánh chim Hồng ngoài ven trời vạn dặm. Tôi vẫn nghĩ, chính cõi thơ “không hề có dấu vết” kia đã “cứu rỗi” Tuệ Sỹ, một cánh chim Nhạn, một cánh chim Hồng ngoài ven trời vạn dặm, để ông được trở về với mái nhà tranh quen thuộc của mình mà “nâng chén trà lão Triệu”. (Phương nào cõi tịnh, Tuệ Sỹ).

Đỗ Hồng Ngọc

(Saigon, tháng 9.2023)